

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 1 tháng 04

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 14 – 15/04/2023

Ngày cung cấp TT: 16/04/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công đóng.
4	4	Công sông Chanh	Công mở.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Công đóng.
11	16	Đập Vua (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Cần cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2: Các vị trí đạt giới hạn trên, **Cổng Sông Chanh, Cổng Cổ Đam, Đầu kênh T3.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đầu kênh CG 16, Đập La Chợ, Đầu kênh S48, Đập Vùa (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên:

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		15		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc	Trời mưa phùn, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐB 15 km/h. Dòng chảy chậm,	7.29	30.7	6.63	0.1	0.025	223	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
		huyện Bình Lục.	cổng mở lấy nước tưới. Trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.							
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Không có dòng chảy, cồng đóng. Trạm bơm đang lấy nước tưới. Nước màu vàng đục.	7.22	28.7	7.3	0.1	0.252	210	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A1 cho phép
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 96%, mật độ mây 100%, gió TB 11 km/h. Không có dòng chảy, cồng đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.48	25.7	6.51	0.2	1.834	271	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A1 cho phép
4	Cổng Sông	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm	7.24	36.8	5.07	0.2	1.510	325	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
	Chanh	thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	94%, mật độ mây 100%, gió ĐB 13 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở đang tiêu nước ra sông. Nước màu vàng lục.							đạt giới hạn A2 cho phép
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 94%, gió ĐB 25 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng đục.	6.96	36.3	4.32	0.4	0.938	524	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 85%, gió TB 24 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao	6.91	20.3	4.2	0.4	0.932	536	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			hơn ngoài sông. Thượng lưu công có nhiều bèo. Nước màu vàng đục.							
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 86%, gió TB 26 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	7.16	21.6	5.82	0.4	0.756	577	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A2 cho phép
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở tiêu nước ra sông. Trên mặt nước có bèo trôi. Nước màu vàng đục.	6.81	24.4	4.85	0.3	0.297	411	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
9	Đầu kênh	Đánh giá nhanh chất lượng nước	Trời mưa phùn, nhiệt độ 24°C, độ ẩm	7.15	23.5	5.27	0.1	0.965	230	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
	T3	trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	96%, mật độ mây 100%, gió TB 11 km/h. Dòng chảy chậm hướng về phía Cốc Thành. Hai bên bờ kênh kênh có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.							đạt giới hạn A2 cho phép
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 95%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm, hướng ra ngã ba sông Chanh. Kênh nhận nước thải từ KCN Bảo Minh. Nước màu vàng lục.	7.32	31.2	4.62	1.1	7.808	1390	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Dòng chảy vừa từ An Bài về. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	6.86	26.1	4.21	0.2	1.755	368	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>6</i>		<i>2</i>		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>5</i>		<i>5</i>		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			<i>5.5 – 9</i>			<i>4</i>		<i>10</i>		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			<i>5.5 – 9</i>			<i>2</i>		<i>15</i>		
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước sông Châu Giang cao hơn sông Sắt. Thượng lưu đập có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	6.79	17.5	4.47	0.2	1.393	296	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước thấp. Nước màu vàng đục.	6.87	58.6	4.81	0.6	4.275	777	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Dòng chảy vừa hướng ra ngã ba	6.56	46	4.18	0.2	0.092	251	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			sông Tiên Hương. Nước màu vàng đục.							
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra sông Sắt. Trên mặt kênh có nhiều rác thải. Nước màu vàng lục.	6.72	23.4	4.16	0.4	3.985	509	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐB 15 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Chân đập có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	6.89	23.9	5.09	0.3	0.317	378	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A2 cho phép
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐB 15 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng Hữu Bị về.	6.73	22.4	4.3	0.2	3.535	266	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			Thượng lưu cầu có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.							
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 82%, gió TB 24 km/h. Dòng chảy chậm về phía Cổ Đam. Trên kênh có nhiều bèo. Nước màu xanh xám.	7.26	21.7	4.76	0.4	1.634	604	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 95%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra ngã ba Sông Chanh. Nước màu vàng lục.	7.07	33	5.18	0.5	5.085	610	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng.	6.7	27.4	4.28	0.3	1.422	455	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			Hai bên bờ kênh có bèo. Nước màu vàng đục.							

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI